

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngân hàng, bất động sản với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DCM, KBC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị kê lệnh giải ngân từng phần, tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho vị thế nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ

08/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,247.35	-1.66
VN30	1,250.20	-2.06
HĐTL VN30F1M	1,253.80	-1.54
HNXIndex	236.32	-0.44
HNX30	509.84	-0.88
UPCoM	91.23	-0.41
USD/VND	24,654	-0.15
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.51	+9
Lãi suất qua đêm (%)	0.91	-26
Dầu (WTI, \$)	79.71	+0.99
Vàng (LME, \$)	2,163.32	+0.15



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,247.35 (-1.66%)
KLGD (triệu CP) 1,308.5 (+51.4%)
GTGD (triệu US\$) 1,318.4 (+29.8%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm ngân hàng, bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 665.7 tỷ đồng, tập trung tại VNM (-2.78%), VPB (-2.31%), KBC (+0.46%).

HNXIndex 236.32 (-0.44%)
KLGD (triệu CP) 128.6 (-13.5%)
GTGD (triệu US\$) 98.7 (-12.4%)

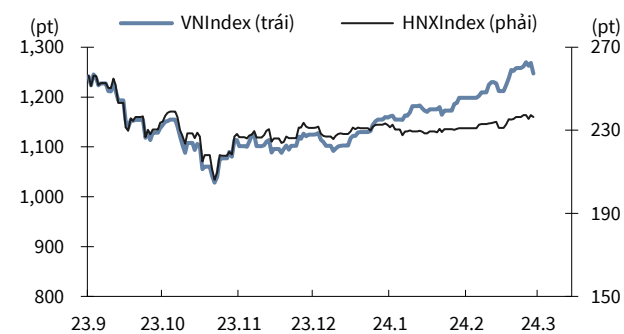
Giá thép cây giao kỳ hạn tháng 10/2024 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 8 Nhân dân tệ, xuống mức 3,711 Nhân dân tệ/tấn. Cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HPG (-2.26%), HSG (-1.97%).

UPCoM 91.23 (-0.41%)
KLGD (triệu CP) 55.8 (-1.6%)
GTGD (triệu US\$) 22.5 (+6.5%)

Ghi nhận trong ngày hôm nay ở khu vực phía Nam, giá heo hơi tăng nhẹ 1,000 đồng/kg tại hai tỉnh Bình Phước và Hậu Giang, lần lượt neo ở mức 57,000 đồng/kg và 58,000 đồng/kg. Cổ phiếu nhóm Chăn nuôi tăng giá ở DBC (+1.03%), HNG (+0.72%).

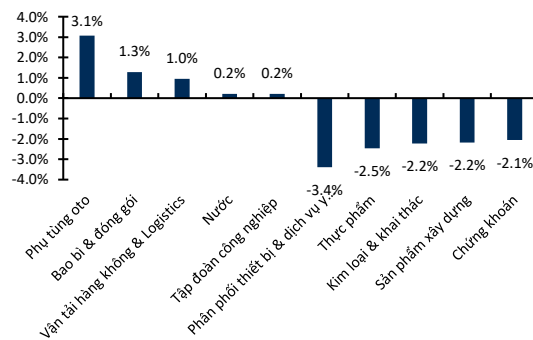
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -25.1

VNIndex & HNXIndex



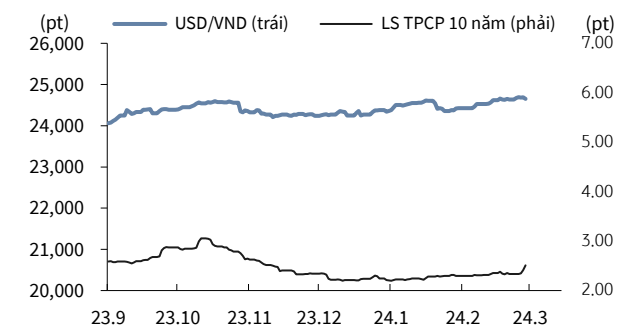
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



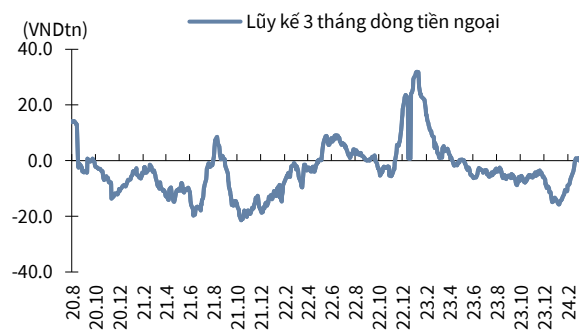
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

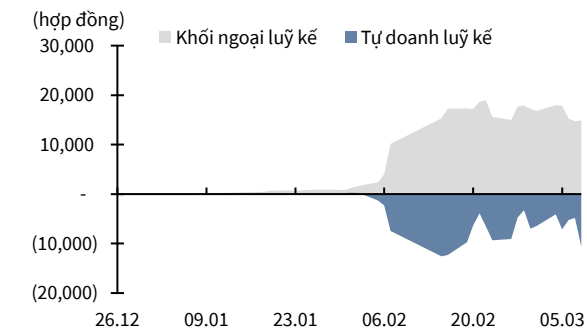
VN30	1,250.20 (-2.06%)
VN30F1M	1,253.8 (-1.54%)
Mở cửa	1,274.5
Cao nhất	1,276.0
Thấp nhất	1,248.7

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại -1.26 điểm, sau đó biến động quanh mức -3.01 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 3.6 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

KLGD (HĐ)	343,170 (+50.8%)
------------------	-------------------------

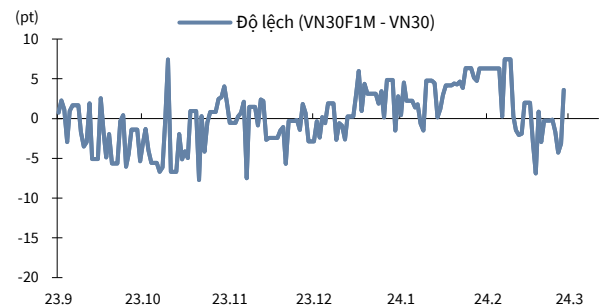
Khối ngoại mua ròng 91 HĐTL VN30F2403 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 14,844 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 5,835 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,625 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



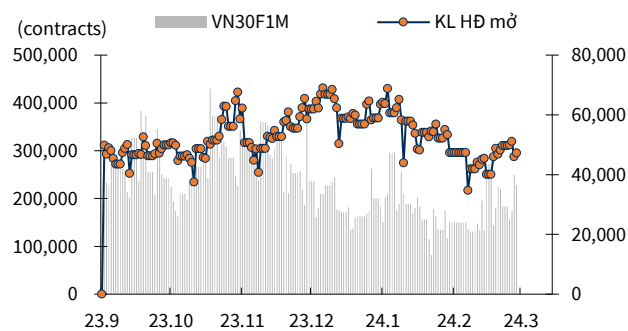
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



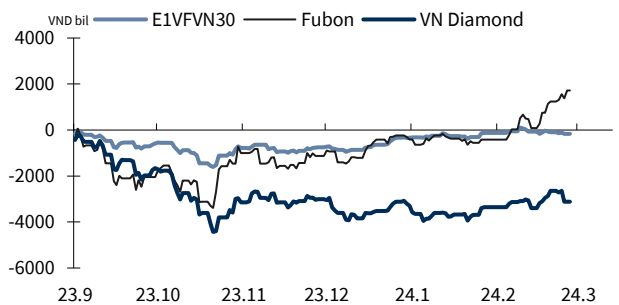
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

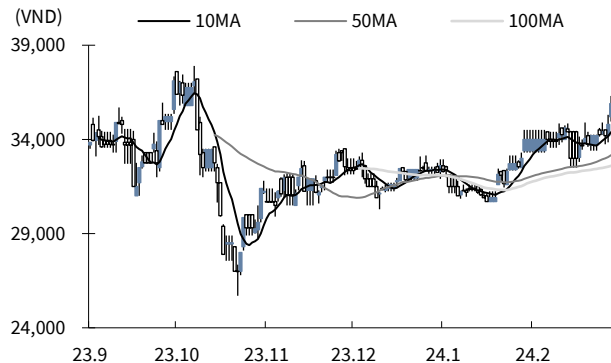
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)

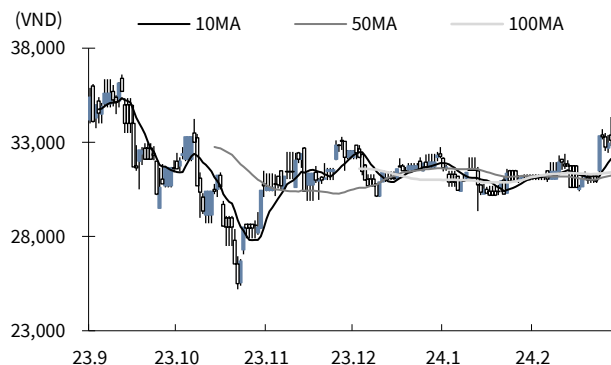


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM tăng 3.16% lên 35,900 VND/cp

- Chiều 6/3, tại buổi họp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau cho biết trong 2 tháng đầu năm Nhà máy Đạm Cà Mau vận hành an toàn liên tục, ổn định. Sản lượng urê quy đổi đạt 165,220 tấn, vượt 8% kế hoạch tháng và tăng 4% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng doanh thu 2 tháng đầu năm ước đạt 1,405 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch tháng. Năm nay, Đạm Cà Mau lên mục tiêu tài chính hợp nhất với tổng doanh thu 11,878 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 794.8 tỷ đồng. Như vậy sau hai tháng đầu năm, công ty đã thực hiện được 12% kế hoạch doanh thu năm.

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 0.46% lên 33,100 VND/cp

- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc vừa công bố tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024, dự kiến tổ chức vào ngày 28/3 tới đây. Cụ thể, về kế hoạch kinh doanh trong năm nay, Đô thị Kinh Bắc dự kiến các dự án còn thiếu thủ tục pháp lý sẽ được hoàn thiện và thông qua từ quý 2/2024. Do đó, ban lãnh đạo Đô thị Kinh Bắc ước tính diện tích cho thuê đất khu công nghiệp trong năm nay ở mức 150 ha, chủ yếu đến từ các khu công nghiệp Nam Sơn Hạp Lĩnh, Quang Châu, Tân Phú Trung, đặc biệt là Trảng Dục 3. Ngoài ra, một số dự án khu đô thị của công ty dự kiến cũng sẽ được ghi nhận doanh thu và mang lại lợi nhuận trong năm 2024.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Thị trường có nhịp tăng điểm nhẹ vào thời điểm mở cửa trước khi đảo chiều giảm điểm và dần mở rộng biên độ lao dốc về cuối phiên.
- Sự hình thành của một mẫu hình "failure swing" trên khung thời gian nhỏ intraday đi kèm mẫu nến phân phối Marubozu trên khung đồ thị ngày với khối lượng lớn cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn của VNIndex đang ở mức cao. Mặc dù vậy, khi xu hướng tăng vẫn đang được duy trì, chỉ số nhiều khả năng sẽ sớm có cơ hội hồi phục trở lại tại các vùng hỗ trợ, gần là quanh 1240 và sâu hơn là 1215 (+-10).
- NĐT được khuyến nghị kê lệnh giải ngân từng phần, tăng tỷ trọng trading gổ đầu cho vị thế nắm giữ khi chỉ số hoặc các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30

Chỉ số VN30 - 1D O 1277.31 H 1281.52 L 1250.20 C 1250.20 -26.36 (-2.06%)

Volume - Khối lượng SMA 9 420.635M

BB 20 2 1243.19

MA 50 close 0 SMA 9 1192.36



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Hợp đồng tương lai VN30F1M - 1D O 1274.5 H 1276.0 L 1248.7 C 1253.8 -19.6 (-1.54%)

Volume - Khối lượng SMA 9 341.569K

BB 20 2 1243.4

MA 50 close 0 SMA 9 1194.0



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1266 – 1271

Kháng cự gần: 1257 – 1260

Hỗ trợ gần: 1244 – 1247

Hỗ trợ xa: 1234 – 1239

- F1 có nhịp tăng nhẹ vào thời điểm mở cửa trước khi đảo chiều giảm điểm và dần mở rộng biên độ lao dốc về cuối phiên.
 - Sự hình thành của một mẫu hình "failure swing" trên khung thời gian nhỏ intraday đi kèm mẫu nến phân phối Marubozu trên khung đồ thị ngày với khối lượng lớn cho thấy áp lực điều chỉnh ngắn hạn của chỉ số đang ở mức cao. Mặc dù vậy, khi xu hướng tăng vẫn đang được duy trì, F1 nhiều khả năng sẽ sớm có cơ hội hồi phục trở lại tại các vùng hỗ trợ, gần là quanh 1245 và sâu hơn là 1220 (+-10).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ,
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Long quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

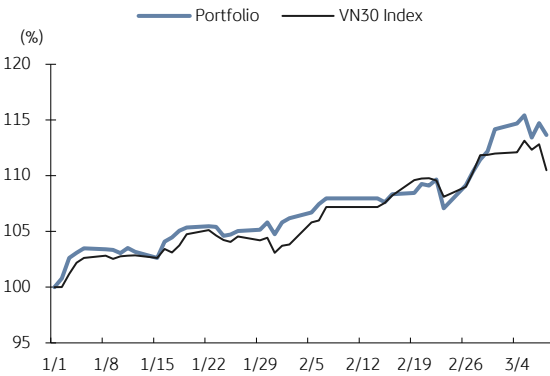
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.06%	-0.92%
Tăng lũy kế (YTD)	10.49%	13.66%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

SSI (SSI)	01/11/2023	36,800	-2.4%	42.9%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemandept (GMD)	01/03/2024	78,300	-2.1%	2.5%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	95,100	-0.7%	-3.2%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	60,300	4.0%	8.1%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	30,800	-2.5%	11.4%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,400	-1.3%	10.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	57,600	-2.4%	4.9%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,350	0.6%	1.0%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	69,000	-2.3%	0.3%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	96,500	0.0%	6.7%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KDH	-0.1%	37.5%	71.0
DGW	4.0%	23.0%	63.8
DGC	-1.2%	19.2%	36.3
DRC	5.7%	11.7%	31.6
FRT	-0.7%	35.7%	22.8
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-2.8%	52.9%	-126.5
VPB	-2.3%	28.1%	-106.1
KBC	0.5%	20.7%	-80.2
VND	0.0%	21.8%	-67.8
SSI	-2.4%	43.2%	-64.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.7%	2.0%	26.9
SHS	-1.1%	10.0%	21.8
DTD	0.7%	3.3%	5.3
VFS	4.7%	0.0%	5.1
BVS	-2.1%	6.2%	3.7
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MBS	-2.1%	0.6%	-7.6
NRC	-1.9%	9.1%	-5.4
CEO	-2.7%	5.6%	-2.6
TIG	-2.3%	10.9%	-2.3
TNG	-1.3%	21.7%	-1.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	5.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Nước	3.6%	BWE, TDM, SII, CLW
Bảo hiểm	3.2%	BVH, MIG, BIC, BMI
Thực phẩm	3.1%	VNM, MSN, KDC, VHC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	2.9%	MWG, FRT, CTF, HAX
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-2.7%	VCB, BID, VPB, TCB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.2%	TNH, JVC, VMD
Thương mại & phân phối	-2.1%	VPG, TSC, BTT, TNA
Sản phẩm xây dựng	-2.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Đồ gia dụng	-1.9%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	16.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tập đoàn công nghiệp	11.2%	REE, BCG, PET, EVG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	10.7%	TNH, JVC, VMD
Thực phẩm	9.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Vận tải hàng không & Logistics	9.7%	TMS, SCS, STG, ASG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-3.5%	VPG, TSC, BTT, TNA
Máy móc	-3.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	-1.9%	HT1, PTB, GAB, ACC
Hàng không dân dụng	-1.0%	VJC, HVN
Tiện ích điện	-0.9%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	236,323 (9.6)	22.5	-	31.2	14.7	-1.9	3.7	1.5	1.4	-1.8	-1.0	5.7	0.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	381,194 (15.5)	26.6	5.3	4.9	35.9	17.1	16.1	0.9	0.8	-1.5	-3.2	1.8	-1.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	376,159 (15.3)	17.8	13.9	12.1	-7.6	11.2	11.2	1.4	1.3	-2.3	-4.7	16.0	9.0
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	485,931 (19.8)	31.3	-	32.6	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	-2.4	-4.6	-4.6	-3.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	142,775 (5.8)	11.6	32.4	29.1	13.7	7.0	7.5	2.1	2.1	-0.1	4.3	16.8	16.1
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	192,773 (7.8)	13.9	84.0	39.1	-	1.4	2.8	1.2	1.2	-1.6	-2.2	-1.9	-6.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	158,716 (6.4)	6.3	15.1	13.7	11.7	19.3	18.1	2.6	2.2	-0.7	-2.3	5.7	18.4
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	109,867 (4.5)	12.7	14.6	9.5	-5.3	19.5	20.4	2.1	1.8	-4.1	-4.5	4.4	17.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	399,441 (16.2)	0.0	6.5	5.3	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	-3.8	-2.0	9.9	28.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	403,104 (16.4)	1.4	8.6	6.8	50.3	17.2	20.0	-	-	-3.6	-3.1	-2.8	27.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	309,385 (12.6)	0.0	10.6	7.3	18.8	10.8	13.6	1.0	0.9	-2.3	-3.3	-3.1	-1.0
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	607,071 (24.7)	0.0	5.5	4.7	14.6	21.3	20.1	1.2	1.0	-3.3	-1.7	0.4	26.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	144,643 (5.9)	4.2	5.9	4.7	23.3	23.5	23.0	-	-	-0.6	-1.3	-2.3	13.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	686,184 (27.9)	14.0	7.2	4.1	26.5	19.5	25.1	1.1	0.8	-2.1	-4.1	-1.4	9.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	349,729 (14.2)	0.0	6.6	5.2	37.4	17.3	19.0	1.1	0.9	-3.4	-6.3	0.5	6.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	257,843 (10.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.5	-3.0	-5.3	-3.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,190 (1.1)	21.0	19.3	-	15.8	7.8	-	-	-	-1.0	3.9	7.9	12.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	7,239 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	1.1	5.4	9.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	954,670 (38.8)	55.4	24.5	-	-3.2	9.8	-	-	-	-2.4	-1.5	4.8	12.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	351,494 (14.3)	71.9	29.5	21.9	-4.0	13.4	14.2	3.2	3.1	-2.7	2.1	6.1	11.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	289,946 (11.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-2.4	0.0	3.7	19.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	763,890 (31.1)	27.2	20.2	15.2	36.3	10.7	11.8	1.8	1.8	0.0	1.3	2.2	5.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	370,134 (15.0)	42.1	16.9	14.9	4.0	29.2	30.2	4.7	4.8	-2.8	-2.1	3.6	3.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	87,977 (3.6)	36.9	18.2	17.2	7.3	17.2	16.7	2.9	2.8	-1.0	2.4	3.8	-4.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	367,750 (14.9)	16.5	49.9	24.0	-51.9	9.3	17.2	4.0	3.5	-2.8	11.3	21.0	17.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,754 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.7	1.9	4.0	-10.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	65,619 (2.7)	11.0	29.3	-	-88.5	11.5	-	-	-	-0.2	0.4	-1.5	-4.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	130,807 (5.3)	10.8	20.2	16.9	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	-2.1	-2.7	12.7	11.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	242,901 (9.9)	38.4	23.8	-	65.7	3.8	-	-	-	-1.8	-1.3	1.6	8.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	454,880 (18.5)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.0	-2.6	5.1	-4.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	152,894 (6.2)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-2.3	0.0	4.2	0.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	61,094 (2.5)	0.0	10.3	8.9	-4.5	13.0	13.9	1.4	1.2	0.2	1.3	11.7	11.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	106,358 (4.3)	46.1	16.1	13.8	-17.5	16.3	15.7	2.3	2.2	-1.1	2.4	5.0	5.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,421 (1.2)	31.4	-	15.8	-10.5	1.1	12.7	2.0	2.0	0.2	1.0	3.1	7.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,139 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-1.1	-0.7	-0.4	-7.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	962,250 (39.1)	18.0	13.8	10.0	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	-2.3	-1.8	7.6	8.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	106,933 (4.3)	36.5	15.1	18.3	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.2	0.3	1.1	4.7	6.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	200,146 (8.1)	46.5	12.1	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	3.2	5.0	5.6	10.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	264,943 (10.8)	38.9	16.9	13.8	67.9	7.5	10.5	1.2	1.2	-2.0	-2.8	-3.7	-1.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	51,291 (2.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-2.2	-3.1	1.9	15.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	42,370 (1.7)	4.6	14.6	13.5	-51.0	11.8	11.7	-	-	-1.9	2.5	5.9	6.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	209,564 (8.5)	39.9	18.9	14.4	-11.9	6.0	7.6	1.1	1.0	-2.5	-3.1	7.1	8.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	103,129 (4.2)	35.9	7.7	6.3	2.2	16.2	16.5	1.2	1.0	-1.3	-0.6	0.7	2.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	572,656 (23.3)	0.0	26.3	17.4	14.4	8.0	12.4	2.8	2.5	-2.6	2.5	2.5	11.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	133,402 (5.4)	0.0	15.2	12.9	2.4	21.6	21.9	2.9	2.5	0.0	0.8	5.8	12.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	17,710 (0.7)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	-1.9	1.4	-12.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	70,683 (2.9)	30.3	61.3	36.2	-75.2	19.0	-	10.3	-	-0.7	3.5	16.8	36.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	32,315 (1.3)	34.6	19.0	-	41.2	11.7	-	-	-	2.0	-0.4	4.9	13.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,957 (0.1)	45.4	14.6	-	10.7	19.9	-	-	-	-2.2	1.5	3.0	6.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	323,961 (13.2)	0.0	18.6	15.3	15.5	28.8	28.4	4.9	4.1	-1.2	-0.7	4.9	14.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.